BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

----*----

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Hà Nội, 2024

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu thiệt hại nặng lề do tác động bất lợi của biến đổi khí hậu. Để giải quyết vấn đề nêu trên, Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cụ thể như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra những định hướng lớn để phát triển đất nước, ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những nội dung quan trọng, bao gồm chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI coi chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn và quyết định sự phát triển bền vững của đất nước.

Ứng phó với biến đổi khí hậu đã và đang được đặt trong mối quan hệ toàn cầu và ở nước ta cần có cách tiếp cận toàn dân; không chỉ là thách thức mà còn tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Sau khi Thỏa thuận Paris có hiệu lực, cắt giảm phát thải khí nhà kính (KNK) trở thành nghĩa vụ bắt buộc, quan điểm phải chủ động thực hiện đồng thời các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường các hoạt động cắt giảm phát thải KNK sẽ là quan điểm xuyên suốt của Việt Nam đến 2050 và cả những giai đoạn tiếp theo. Theo Kết luận 56-KL/TW của Bộ Chính trị, cần đặt yêu cầu về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển. Ứng phó với biến đổi khí hậu cũng phải gắn kết hài hòa với bảo vệ môi trường, giảm nhẹ rủi ro thiên tai nhằm tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên và xã hội. Trên thế giới, phát triển kinh tế các-bon thấp, hướng tới trung hoà các-bon hay "phát thải ròng bằng 0" vào năm 2050 đang trở thành xu hướng chủ đạo. Để

trở thành một nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Việt Nam cần thúc đẩy phát triển nền kinh tế các-bon thấp, hướng tới trung hòa các-bon và tận dụng các cơ hội do ứng phó với biến đổi khí hậu mang lại.

Ứng phó với biến đổi khí hậu phải bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, liên ngành, liên vùng, trọng tâm, trọng điểm; đồng thời các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, giảm phát thải KNK phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), đây cũng là quan điểm cụ thể hóa nguyên tắc "trách nhiệm chung nhưng có sự phân biệt" trong ứng phó với biến đổi khí hậu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC). Thực hiện công cuộc ứng phó với biến đổi khí hậu đòi hỏi nguồn lực rất lớn; bên cạnh đầu tư của nhà nước, huy động và phát huy nguồn lực nguồn lực của cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước đồng thời khai thác hiệu quả nguồn lực quốc tế có vai trò đặc biệt quan trọng. Việc vận động, khai thác nguồn lực quốc tế cho ứng phó với biến đổi khí hậu trong giai đoạn tới cần được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Ngày 17/11/2020, Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ môi trường trong đó có các quy định về định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tại Điều 91, bảo vệ tầng ô-dôn tại Điều 92, tổ chức và phát triển thị trường các-bon tại Điều 139. Triển khai thi hành Luật, ngày 07 tháng 01 năm 2022 Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ đã tạo hành lang pháp lý cơ bản đầy đủ cho việc quản lý hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, kiểm kê khí nhà kính, đo đạc, báo cáo, thẩm định mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, lộ trình phát triển thị trường các-bon và quản lý bảo vệ tầng ô-dôn.

Nghị định số 06/2022/NĐ-CP đã quy định chi tiết về kiểm kê khí nhà kính, tiêu chí đối với các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, đơn vị thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; mục tiêu, lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; tăng cường hấp thụ khí nhà kính; quy định hệ thống quốc gia đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; quy định phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; quy định trách nhiệm của các Bộ quản lý lĩnh vực, các địa phương trong công tác giám sát giảm phát thải khí nhà kính. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định đối tượng, lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước; xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn giao dịch của thị

trường các-bon trong nước; trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; việc đăng ký chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP cũng đã quy định các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát và lộ trình quản lý, loại trừ chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; việc đăng ký và báo cáo sử dụng các chất được kiểm soát; về yêu cầu, trình tự, thủ tục phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát; quy đinh về hoạt động thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát; trách nhiệm của các bên liên quan trong quản lý các chất được kiểm soát; quy định về khuyến khích các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Với việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và các cơ chế, chính sách liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của Việt Nam đến nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Các biện pháp, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được thực hiện ở các quy mô khác nhau từ cấp quốc gia đến cấp dự án thông qua thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, hoạt động cụ thể, như hoạt động theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (Cơ chế phát triển sạch (CDM) trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Cơ chế tín chỉ chung (JCM) trong khuôn khổ hợp tác về tăng trưởng các-bon thấp giữa Việt Nam và Nhật Bản) của các dự án liên quan tới giảm nhẹ phát thải khí nhà kính… Công tác đánh giá nỗ lực, hỗ trợ, phục vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính như kiểm kê khí nhà kính, thiết lập hệ thống quốc gia về kiểm kê khí nhà kính, hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm tra (MRV) được thực hiện tương đối đầy đủ theo các yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), phát huy hiệu quả các nguồn hỗ trợ từ quốc tế. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu nói chung, về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính nói riêng đã có sự chuyển biến, tăng cường từ Trung ương đến địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế xuất phát từ diễn biến nhanh chóng của xu thế quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu; các quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu của thực tiễn trong nước đặt ra, đòi hỏi cần phải sửa đổi, bổ sung một số điều nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

(1). Cần có quy định pháp lý cụ thể, chi tiết hơn để các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp đẩy mạnh công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính nhằm thực hiện mục tiêu

giảm phát thải khí nhà kính theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), hướng tới đạt mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

(2). Hoàn thiện cơ chế pháp lý, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động đăng ký dự án, cấp tín chỉ các-bon cho dự án và chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế trong bối cảnh hiện nay khi một số quốc gia, đối tác quốc tế đang tích cực hợp tác với Chính phủ Việt Nam để ký kết thoả thuận trao đổi tín chỉ các-bon, mở ra cơ hội cho doanh nghiệp, người dân trong nước tiếp cận công nghệ tiên tiến và nguồn tài chính khí hậu từ quốc tế.

(3). Cần có quy định cụ thể hơn về kiểm kê khí nhà kính, phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; quản lý tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon, quản lý; loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý của nhà nước.

(4). Có cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện các chính sách giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Căn cứ tình hình thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022NĐ-CP là cần thiết để triển khai hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon và bảo vệ tầng ô-dôn, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, góp phần thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đóng góp vào nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính quốc gia thông qua việc tham gia vào các chương trình, dự án giảm phát thải khí nhà kính tạo tín chỉ các-bon để có thể trao đổi trong nước và quốc tế; bảo đảm đồng bộ giữa các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phù hợp với quy định của quốc tế và tình hình thực tiễn trong nước, tập trung sửa đổi, bổ sung những quy định liên quan đến vấn đề cấp bách, cần sửa đổi, bổ sung ngay; khắc phục những tồn tại, hạn chế mà các cơ quan, doanh nghiệp đang mắc phải; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và đối tác quốc tế trong trao đổi tín chỉ các-bon.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Tiếp tục tăng cường công tác kiểm kê khí nhà kính và hoàn thiện quy định về phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Về việc thực hiện kiểm kê khí nhà kính (KNK) đối với các cơ sở được phân bổ hạn ngạch để tham gia thị trường các-bon, tại Nghị định số 06/2022NĐ-CP quy định cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh cấp tỉnh thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê KNK cho toàn bộ các cơ sở phải thực hiện kiểm kê KNK. Tuy nhiên, kết quả kiểm kê KNK của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch yêu cầu phải nâng cao độ chính xác, minh bạch. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính phải gửi Chính phủ kết quả kiểm kê KNK sau khi được thẩm định bởi đơn vị thẩm định độc lập. Do đó, quy định kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải KNK cần được thẩm định bởi đơn vị thẩm định độc lập.

Về đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê KNK để phục vụ phân bổ hạn ngạch phát thải KNK và thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính để tạo tín chỉ các-bon: Tại Điều 14 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, đơn vị thẩm định là tổ chức có năng lực thẩm định được UNFCCC công nhận; hoặc được cấp chứng nhận được cấp chứng nhận tiêu chuẩn TCVN ISO 14065 về các yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định và kiểm định KNK; hoặc có kỹ thuật viên được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học về kiểm kê KNK theo quy định của UNFCCC đối với lĩnh vực tương ứng. Trên thực tế, hiện nay vẫn chưa có đơn vị trong nước có năng lực thẩm định được UNFCCC công nhận hoặc có chứng nhận tiêu chuẩn TCVN ISO 14065. Số lượng kỹ thuật viên được cấp giấy chứng nhận của UNFCCC hiện còn ít và cơ bản chưa đáp ứng được về nhu cầu trong tương lai. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP cũng chưa quy định chi tiết về điều kiện và quy trình nộp hồ sơ và tiến hành công bố đơn vị thẩm định, do đó cần phải có quy định cụ thể hơn để khắc phục hạn chế này.

Về tăng cường hấp thụ khí nhà kính từ rừng: Hiện nay, việc thu thập số liệu để tính toán mức hấp thụ KNK hằng năm tại các vùng sinh thái có rừng đối với các tỉnh, thành phố chưa được cụ thể (mới chỉ quy định đối với vùng sinh thái) và chưa được công bố để có cơ sở tổng hợp báo cáo kết quả kiểm kê KNK cấp lĩnh vực; đồng thời có cơ sở để nắm bắt, quản lý được lượng hấp thụ các-bon rừng ở các tỉnh, thành phố có rừng. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định pháp lý về vấn đề này để triển khai thực hiện trên thực tiễn.

Về thẩm định kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở và kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở: Luật Bảo vệ môi trường quy định Bộ Tài nguyên và

Môi trường hướng dẫn, tổ chức thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê KNK và kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở tại điểm c khoản 4 Điều 91. Tuy nhiên, Nghị định 06/2022/NĐ-CP chưa quy định về việc thẩm định kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK, do đó đề xuất bổ sung quy định thẩm định kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cùng thời điểm thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính lần đầu nhằm giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính do đơn vị thẩm định độc lập thực hiện. Tuy nhiên việc thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính do đơn vị thẩm định độc lập thực hiện chỉ cần thiết khi phục vụ việc cấp tín chỉ các-bon theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon. Vì vậy, trên thực tế, chưa có sự thống nhất cơ quan, tổ chức thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thái khí nhà kính cấp cơ sở. Dự thảo Nghị định sửa đổi nhằm khắc phục thiếu hụt và giải quyết vấn đề nêu trên.

Về danh mục lĩnh vực, cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính đáp ứng yêu cầu của thực tiễn: Căn cứ quy định tại Điều 6 về danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (sau đây gọi là cơ sở phải kiểm kê KNK), Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Danh mục bao gồm các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính thuộc các ngành công thương, giao thông vận tải, xây dựng, tài nguyên và môi trường có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 3.000 tấn CO_2 tương đương trở lên; các nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất công nghiệp, tòa nhà thương mại, công ty kinh doanh vận tải hàng hoá tiêu thụ hằng năm 1.000 tấn dầu tương đương (TOE) trở lên; các cơ sở xử lý chất thải rắn có công suất hoạt động hằng năm trên 65.000 tấn. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát và cập nhật danh mục nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xuất bổ sung các cơ sở chăn nuôi (lợn, bò) có quy mô lớn vào danh mục các cơ sở phải kiểm kê KNK. Sau khi nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đánh giá hiện trạng trong nước và trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, thống nhất với ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa đề xuất bổ sung ngành chăn nuôi vào danh mục cơ sở phải kiểm kê KNK trong giai đoạn hiện nay.

Về lộ trình phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính: Theo quy định tại khoản 4 Điều 7 và khoản 2 Điều 12, các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 sẽ được phân bổ hạn ngạch phát thải KNK cho giai đoạn 2026 - 2030. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay một số cơ sở vẫn chưa cung cấp số liệu chi tiết để có căn cứ phân bổ hạn ngạch phát thải KNK. Theo kinh nghiệm của các quốc gia đã vận hành thị trường các-bon, trong giai đoạn đầu Chính phủ chỉ phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho những cơ sở phát thải khí nhà kính lớn. Ngoài ra, Liên

minh châu Âu (EU) đã bắt đầu áp dụng Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) nhằm kiểm soát phát thải khí nhà kính và áp dụng mức thuế các-bon đối với các mặt hàng nhập khẩu vào EU gồm: sắt thép, nhôm, xi măng, điện, hydro, phân bón. Hoa Kỳ cũng đã có kế hoạch áp dụng cơ chế CBAM đối với 08 mặt hàng có liên quan đến xuất khẩu của Việt Nam. Đồng thời, các cơ sở có trách nhiệm nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần. Kết quả kiểm kê khí nhà kính là cơ sở để vận hành thị trường trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính. Vì vậy, thời điểm phân bổ hạn ngạch cần theo lộ trình phù hợp với thời điểm các cơ sở nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính.

Về cách xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính: Theo quy định tại khoản 2 Điều 12, Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực liên quan xây dựng, ban hành định mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị sản phẩm đối với các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhằm xác định hạn ngạch để phân bổ cho các cơ sở dựa trên cường độ phát thải trên đơn vị sản phẩm. Kinh nghiệm của các nước như Hàn Quốc cho thấy, việc xác định hạn ngạch dựa trên cường độ phát thải trên đơn vị sản phẩm là rất khó khăn và đã thay đổi việc xác định hạn ngạch phát thải dựa trên lịch sử phát thải của 03 năm gần nhất. Giai đoạn đầu các quốc gia phân bổ hạn ngạch dựa trên lịch sử phát thải KNK của các cơ sở và tiến tới áp dụng định mức phát thải đối với các lĩnh vực khi có đầy đủ thông tin, dữ liệu liên quan đến xác định định mức. Về trách nhiệm phân bổ hạn ngạch, các Bộ quản lý lĩnh vực hiện được quy định có trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cấp lĩnh vực; ban hành quy định kỹ thuật về kiểm kê KNK và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở và tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các quy định trong phạm vi lĩnh vực quản lý. Bộ quản lý lĩnh vực có vai trò rất quan trọng trong toàn bộ các khâu từ hướng dẫn kỹ thuật, kiểm kê cấp lĩnh vực, xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm nhẹ phát thải của lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, kiểm tra việc thực hiện tại các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính, có cơ sở để đề xuất phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết về các nội dung nêu trên.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm tăng cường công tác kiểm kê khí nhà kính phục vụ phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính để chuẩn bị cho thị trường các-bon.

- Bổ sung các quy định hiện hành về phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho phù hợp với thực tế và điều kiện kinh tế - xã hội.

1.3. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên các chính sách hiện hành

b) Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một số các quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Quy định kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải KNK cần được thẩm định bởi đơn vị thẩm định độc lập.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê KNK để phục vụ phân bổ hạn ngạch phát thải KNK và thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính để tạo tín chỉ các-bon theo hướng dựa trên quy định về điều kiện kinh doanh đối với các tổ chức thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 107/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp và phải đáp ứng các tiêu chuẩn ISO và TCVN liên quan đến thẩm định khí nhà kính, cụ thể: "… là tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc tế ISO 14064-3, có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065".

- Quy định cụ thể việc thu thập số liệu, tính toán mức hấp thụ khí nhà kính tại các vùng sinh thái và theo từng tỉnh, thành phố, tổng hợp trong báo cáo kiểm kê KNK cấp lĩnh vực; đồng thời có cơ sở để nắm bắt, quản lý được lượng hấp thụ các-bon rừng ở các tỉnh, thành phố có rừng.

- Quy định cụ thể, thống nhất cơ quan, tổ chức thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo hướng: i) Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê KNK của các cơ sở không được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và thẩm định kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở; ii) Đơn vị thẩm định độc lập thẩm định kết quả kiểm kê KNK của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch; thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

- Quy định bổ sung lộ trình phân bổ hạn ngạch, trong giai đoạn đầu sẽ phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở có mức phát thải lớn thuộc 03 lĩnh vực: nhiệt điện, sản xuất sắt thép, sản xuất xi măng. Đây là những cơ sở có mức phát thải lớn và cũng là các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực đang phải ứng phó với Cơ chế điều chỉnh các-bon (CBAM) của Liên minh châu Âu (EU) và Hoa Kỳ. Dự kiến có khoảng hơn 100 cơ sở được phân bổ hạn ngạch trong giai đoạn đầu, chiếm khoảng

45% tổng phát thải của các cơ sở phải thực hiện kiểm kê KNK thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Về tổ chức phân bổ hạn ngạch, dự thảo Nghị định bổ sung quy định phân bổ hạn ngạch cho 03 giai đoạn (giai đoạn 1: 2025 - 2026, giai đoạn 2: 2027 - 2028, giai đoạn 3: 2029 - 2030); dự thảo Nghị định đề xuất sửa đổi quy định về tổ chức phân bổ hạn ngạch theo 02 phương án để trình Chính phủ xem xét, quyết định:

+ *Phương án 1*: các Bộ quản lý lĩnh vực có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất danh mục cơ sở và lượng hạn ngạch được phân bổ hằng năm cho từng cơ sở gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải KNK. Căn cứ tổng hạn ngạch phát thải KNK được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Bộ liên quan phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở.

+ *Phương án 2*: Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ thành lập *Hội đồng liên ngành* đánh giá tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức xác định tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ cho các cơ sở trình Hội đồng liên ngành xem xét, đánh giá. Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng liên ngành, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính kèm theo danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

1.4.1. Giải pháp 1

a) Tác động kinh tế

* Tác động tích cực

- Nhà nước: Các quy định, chính sách hiện hành của Nhà nước về công tác kiểm kê khí nhà kính và hoàn thiện quy định về phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính thời gian qua đã được triển khai thực hiện mang lại nhiều hiệu quả tích cực như: Việc thực hiện lộ trình giảm phát thải khí nhà kính, kiểm kê chặt chẽ việc phát thải khí nhà kính trong giới hạn và phạm vi cho phép góp phần giảm tác động của biến đổi khí hậu đối với Việt Nam, trên cơ sở đó sẽ giúp cho nước ta đạt được các mục tiêu giảm phát thải mà Việt Nam đã cam kết với quốc tế, góp phần giảm thiểu các thiệt hại cho nền kinh tế do các tác động của biến đổi khí hậu gây ra và nền kinh tế sẽ phát triển theo hướng xanh, bền vững.

- Người dân, doanh nghiệp:

Thực tế thời gian qua, việc thực hiện chính sách về kiểm kê khí nhà kính và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính có những tác động tích cực tới các địa phương và doanh nghiệp. Các địa phương đã từng bước hoàn thiện cơ quan chuyên môn, tăng cường năng lực cho cán bộ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; tăng cường kết nối giữa cơ quan quản lý trung ương, địa phương, cơ sở phát thải khí nhà kính trong thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính. Các hoạt động đào tạo, tăng cường năng lực về kiểm kê khí nhà kính, giảm phát thải khí nhà kính đã được tổ chức rộng rãi đến các cán bộ phụ trách công tác quản lý nhà nước về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, doanh nghiệp và người dân.

Nhiều doanh nghiệp lớn trong nước và doanh nghiệp nước ngoài đã tích cực triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, kiểm kê khí nhà kính, giảm phát thải khí nhà kính và coi đây là cơ hội để nâng cao hình ảnh phát triển xanh của doanh nghiệp tạo sự lan tỏa ra cộng đồng. Việc thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính của các doanh nghiệp là bước chuẩn bị kịp thời để ứng phó với các yêu cầu mới của Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) do Liên minh châu Âu công bố áp dụng từ tháng 10 năm 2023 và Hoa Kỳ sẽ áp dụng trong năm 2024. Cơ chế CBAM của EU áp giá các-bon cho hàng nhập khẩu dựa trên cường độ phát thải khí nhà kính của quy trình sản xuất và đặt ra yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu vào châu Âu phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, trước mắt là sắt thép, nhôm, xi măng, điện, hydro, phân bón và sẽ tiếp tục mở rộng thêm cho các lĩnh vực khác.

Thời gian qua, khi tham gia vào việc thực hiện các chính sách, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các doanh nghiệp được hỗ trợ về chính sách chuyển giao, thay đổi công nghệ, phương thức quản lý theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Chính sách này, thúc đẩy các doanh nghiệp nghiên cứu, tìm kiếm các công nghệ, giải pháp, nguyên liệu mới, ít phát thải hơn nhưng mang lại lợi ích kinh tế cao hơn. Việc triển khai các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính sẽ góp phần nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp, phù hợp với xu hướng phát triển trên thế giới.

* Tác động tiêu cực

- Nhà nước: Ngày 31 tháng 10 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020. Một trong những mục tiêu tổng quát của Chương trình là giảm lượng phát thải khí nhà kính hướng tới việc triển khai thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính sau 2020 (COP21 và đóng góp quốc gia tự thực hiện - NDC). Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình gồm:

Vốn ngân sách trung ương: 15.866 tỷ đồng, gồm: i) Vốn đầu tư phát triển: 15.470 tỷ đồng gồm: vốn nước ngoài (vốn ODA): 15.000 tỷ đồng; vốn trong nước

Hợp phần tăng trưởng xanh 470 tỷ đồng; ii) Vốn sự nghiệp: 396 tỷ đồng, gồm: hợp phần Biến đổi khí hậu (dự án thành phần số 1): 300 tỷ đồng; hợp phần tăng trưởng xanh (dự án thành phần số 3): 96 tỷ đồng.

Vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác: các bộ, ngành, địa phương cân đối vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình.

Thông qua kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn Chương trình thực hiện vào năm 2021, KTNN ghi nhận, tổng số vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được duyệt là 15.866 tỷ đồng, gồm 15.470 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 396 tỷ đồng vốn sự nghiệp. Vốn đầu tư phát triển đã giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 là 15.223 tỷ đồng; đã bố trí hằng năm 15.120 tỷ đồng và giải ngân 12.365 tỷ đồng. Vốn sự nghiệp dự kiến bố trí 357 tỷ đồng, đã giao 231 tỷ đồng. Vốn ngân sách địa phương đã giải ngân là 1.658 tỷ đồng. Như vậy, để triển khai thực hiện lộ trình giảm phát thải khí nhà kính cần một nguồn kinh phí lớn, tuy nhiên, do quy định của pháp luật hiện hành về chính sách này còn một số tồn tại, hạn chế nhất định (như đã nêu ở mục 1) mà việc triển khai thực hiện mặc dù mất một số kinh lớn, song kết quả đạt được sẽ không đạt được kết quả cao nhất như kỳ vọng.

- Người dân, doanh nghiệp: Các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo quy định, tuy nhiên việc thẩm định và đơn vị, tổ chức thẩm định được quy định tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP hiện nay vẫn còn hạn chế nhất định (như đã nêu ở mục 1) do đó, dẫn đến việc kiểm kê, thẩm định còn gặp khó khăn trong thực tiễn triển khai thực hiện. Trong quá trình theo dõi tình hình thực hiện quy định về kiểm kê khí nhà kính ở cấp cơ sở/doanh nghiệp còn có một số tồn tại hạn chế như: các quy định về kiểm kê khí nhà kính còn mới nên việc triển khai thực hiện còn có những hạn chế ở tính nhất quán về phương pháp tính toán, lựa chọn phương pháp; đội ngũ cán bộ kỹ thuật, chuyên gia về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ở địa phương, doanh nghiệp còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

b) Tác động xã hội

* Tác động tích cực

- Các chính sách thể hiện sự cam kết tham gia của Việt Nam trong các Chương trình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, qua đó thể hiện được vị trí, vai trò và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong thời gian qua, Việt Nam luôn tích cực và có trách nhiệm trong việc tham gia và triển khai thực hiện các điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu, trong đó có kiểm kê khí nhà kính quốc gia, có nhiều dự án thực hiện theo Cơ chế phát triển sạch (CDM) được đăng ký, cấp tín chỉ các-bo, xây dựng và cập nhật Đóng góp do quốc

gia tự quyết định (NDC), xây dựng các báo cáo quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu. Đặc biệt là Việt Nam đã thể chế hóa, nội luật hóa các quy định của quốc tế vào các văn bản quy phạm pháp luật.

- Biến đổi khí hậu trong giai đoạn hiện tại là do tác động của con người làm phát thải quá mức các khí nhà kính vào bầu khí quyển. Để ứng phó với biến đổi khí hậu, các chính sách đã được đưa ra trong thời gian qua nhằm giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Các hoạt động này mang lại các lợi ích cho môi trường, thông qua đó, người dân được sống trong môi trường an toàn, hạn chế được những ảnh hưởng tiêu cực do biến đổi khí hậu gây ra như các loại thiên tai nắng nóng, lũ lụt, hạn hán, bão; hoặc gián tiếp tiếp gây ra các bệnh truyền nhiễm, suy dinh dưỡng, các bệnh lây qua nguồn nước, thực phẩm và làm tăng ô nhiễm không khí. Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn đã giúp cho các cấp, các ngành, địa phương quan tâm đẩy mạnh; các doanh nghiệp và nhân dân đã nâng cao nhận thức và đang tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính hướng tới một nền kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp.

* Tác động tiêu cực

- Các chính sách hiện hành chưa đảm bảo đầy đủ, vẫn còn bỏ sót một số ngành nghề mà lượng phát thải khí nhà kính hàng năm tương đối lớn phải thực hiện việc kiểm kê, tuy nhiên lại chưa có trong danh mục, dẫn đến việc quản lý chưa thực sự chặt chẽ.

- Theo báo cáo kỹ thuật xây dựng dự kiến Đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC), để đạt được mục tiêu cắt giảm phát thải khí nhà kính đề ra, sẽ phải thực hiện các phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các lĩnh vực trong đó có các biện pháp về bảo vệ rừng tự nhiên (1 triệu ha), bảo vệ rừng ven biển (100.000 ha), trồng rừng ven biển (10.000 ha), khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng sản xuất và rừng tự nhiên (400.000 ha) sẽ góp phần tăng độ che phủ rừng, hạn chế lũ lụt, xói lở bở biển, xâm nhập mặn. Tuy nhiên, hiện nay, việc thu thập số liệu để tính toán mức hấp thụ khí nhà kính hằng năm tại các vùng sinh thái có rừng đối với các tỉnh, thành phố chưa được cụ thể và chưa được công bố để có cơ sở tổng hợp báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực, do đó chưa có số liệu cụ thể để chứng minh cho hiệu quả của việc hấp thụ khí nhà kính từ rừng là rất lớn, do đó chưa khuyến khích được việc trồng rừng, bảo vệ rừng tại các địa phương.

c) Tác động giới: Không có tác động tiêu cực đối với bình đẳng giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Không sửa đổi, bổ sung hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Về cơ bản giải pháp này không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do không đặt ra vấn đề sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện có.

- Tuy nhiên, giải pháp này sẽ không khắc phục được hạn chế của quy định pháp luật hiện hành, do chưa đầy đủ, chặt chẽ, do đó chưa thể góp phần triển khai tích cực pháp luật bảo vệ môi trường.

1.4.2. Giải pháp 2

a) Tác động kinh tế

* Tác động tích cực

- Giải pháp này cơ bản sẽ giữ lại các quy định mang lại hiệu quả trên thực tiễn mà Nghị định số 06/2022/NĐ-CP khi được triển khai thực hiện trên thực tế đã mang lại. Các tác động tích cực về kinh tế đối với nhà nước, người dân và doanh nghiệp tương tự như giải pháp 01 đã đánh giá.

- Giải pháp này đã khắc phục được những hạn chế, bất cấp (như đã nêu tại mục 1) mà Giải pháp 1 chưa xử lý được, qua đó, việc kiểm kê khí nhà kính, thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính được thực hiện chặt chẽ, khoa học, phù hợp với đánh giá của quốc tế, qua đó, giảm chi phí quản lý của Nhà nước, chi phí hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực hiện kiểm kê khí nhà kính; giảm tác động tiêu cực về kinh tế tại giải pháp 01.

- Phù hợp với tình hình, nguồn lực thực hiện của Việt Nam trong thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính khi hiện nay chưa có đơn vị trong nước có năng lực thẩm định được UNFCCC công nhận và khi số lượng kỹ thuật viên được cấp giấy chứng nhận của UNFCCC hiện còn ít và cơ bản chưa đáp ứng được về nhu cầu trong tương lai.

* Tác động tiêu cực: Nhà nước phải cấp kinh phí ngân sách cho việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, khoảng 45 triệu/nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều. Tuy nhiên, mức kinh phí này là rất thấp so với những giá trị về kinh tế sẽ được mang lại khi các tồn tại, hạn chế tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung mang lại.

b) Tác động xã hội

* Tác động tích cực:

+ Tác động tích cực như Giải pháp 01, đồng thời khắc phục được những tác động tiêu cực được nêu tại Giải pháp 01.

+ Các quy định được sửa đổi, bổ sung bảo đảm chặt chẽ, khả thi qua đó phát huy được giá trị của các công cụ quản lý nhà nước, gián tiếp góp phần vào việc

nâng cao chất lượng môi trường sống cho người dân; tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước; tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp vào cơ chế quản lý công khai, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận của nhà nước; qua đó thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển lành mạnh.

+ Quy định về kiểm kê khí nhà kính phục vụ phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kinh được quy định chặt chẽ, phù hợp sẽ tạo tiền đề quyết định cho việc xây dựng, tổ chức, vận hành thị trường các-bon trong nước thành công.

* Tác động tiêu cực: không có tác động tiêu cực.

c) Tác động giới: Các quy định tại Giải pháp mang tính trung tính, mang lại tác động tính cực cho các giới như nhau, do đó, không có tác động tiêu cực đối với bình đẳng giới, không có sự phân biệt về giới trong giải pháp này.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này sẽ phát sinh thủ tục hành chính về thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở, xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch, thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính. Tác động của thủ tục hành chính sẽ được đánh giá ở 04 nội dung sau đây:

* Sự cần thiết ban hành thủ tục hành chính:

- Nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia.

- Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

- Là phương án, giải pháp tối ưu khi hiện nay chưa có đơn vị trong nước có năng lực thẩm định được UNFCCC công nhận và khi số lượng kỹ thuật viên được cấp giấy chứng nhận của UNFCCC hiện còn ít và cơ bản chưa đáp ứng được về nhu cầu trong tương lai.

* Tính hợp pháp của thủ tục hành chính:

- Thủ tục hành chính được đề xuất theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Thủ tục hành chính được đề xuất bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

- Thủ tục hành chính được đề xuất bảo đảm tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

* Tính hợp lý của thủ tục hành chính:

- Tên thủ tục hành chính: cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Tên thủ tục hành chính được xác định rõ và phù hợp. Xác định phạm vi của thủ tục hành chính là để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các đối tượng đủ điều kiện.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính được xác định rõ; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng thực hiện; bảo đảm sự công bằng giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức, giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng miền, giữa trong nước với ngoài nước và có số lượng đối tượng tuân thủ được hưởng lợi nhiều nhất.

- Trình tự, thủ tục thực hiện: Hồ sơ và trình thực thực hiện được quy định cụ thể, đảm bảo rõ ràng, minh bạch, tạo thuận lợi cho chủ thể thực hiện và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính. Cách thức thực hiện linh hoạt, đảm bảo phù hợp với mục đích cải cách thủ tục hành chính hiện nay.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính được xác định phù hợp với thẩm quyền quản lý nhà nước đối với cấp hành chính hoặc địa giới hành chính theo quy định của pháp luật; thuận tiện cho cá nhân, tổ chức tuân thủ thủ tục hành chính trong việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết; bảo đảm áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết thủ tục hành chính.

* Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

(Tác động cụ thể xin xem bản đánh giá thủ tục hành chính kèm theo).

đ) Tác động hệ thống pháp luật

* Tác động tích cực:

- Về cơ bản giải pháp này đảm bảo phù hợp với quy định của Hiến pháp, Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản có liên quan.

- Đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cơ bản có sự nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm của một số quốc gia về một số lĩnh vực, ngành nghề phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

* Tác động tiêu cực:

- Phải xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2020/NĐ-CP, tuy nhiên sau khi sửa đổi, văn bản được hợp nhất nên việc theo dõi và tra cứu cơ bản không gặp khó khăn.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động đề nghị chọn giải pháp 2.

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện cơ chế về tổ chức, quản lý và hoạt động của thị trường các-bon trong nước đảm bảo phù hợp với thị trường quốc tế

2.1 Xác định vấn đề bất cập

- *Về đối tượng tham gia thị trường các-bon:* Tại Điều 16, đối tượng tham gia thị trường các-bon bao gồm 03 đối tượng: i) cơ sở phải thực hiện kiểm kê KNK; ii) tổ chức thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế; iii) tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon. Tuy nhiên, quy định này chưa xác định chi tiết đối tượng tham gia trao đổi hạn ngạch phát thải KNK, đối tượng tham gia trao đổi tín chỉ các-bon.

- *Về trao đổi hạn ngạch,* kinh nghiệm quốc tế cho thấy các quốc gia khác nhau có quy định khác nhau nhau về các đối tượng tham gia trao đổi hạn ngạch tùy theo mục đích quản lý như: không hạn chế đối tượng tham gia trao đổi (Liên minh Châu Âu); chỉ cho phép các cơ sở được phân bổ hạn ngạch và một số ít các cơ quan, tổ chức thiết lập thị trường (Hàn Quốc); chỉ giới hạn các cơ cở được phân bổ hạn ngạch (Trung Quốc). Đối với Việt Nam, thị trường trao đổi tín chỉ các-bon đã có nhiều hoạt động giao dịch dưới hình thức thỏa thuận, trong khi thị trường trao đổi hạn ngạch phát thải KNK đang trong quá trình thiết lập.

- *Về cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 21, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon, bao gồm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc thiết lập cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước là cần thiết để phát triển thị trường các-bon tự nguyện và hỗ trợ thị trường các-bon tuân thủ, qua đó thúc đẩy đầu tư vào các dự án giảm phát thải KNK. Để triển khai thực hiện dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon, cần bổ sung quy định về phê duyệt và công nhận phương pháp luận, phê duyệt ý tưởng dự án, phê duyệt dự án, cấp tín chỉ các-bon. Hiện nay, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP chưa quy định trách nhiệm cơ quan quản lý thực hiện các hoạt động này.

- *Về Hệ thống đăng ký quốc gia:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 21, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ các-bon phục vụ quản lý và theo dõi, giám sát thị trường các-bon. Kinh nghiệm các nước đã vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon cho thấy việc thiết lập hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà

kính và tín chỉ các-bon (registry system) là công cụ quản lý hạn ngạch và tín chỉ các-bon do cơ quan đầu mối về môi trường / kiểm kê khí nhà kính quản lý. Hiện nay, trên thực tế đã có nhiều giao dịch tín chỉ các-bon thông qua hình thức thỏa thuận hợp đồng hoặc bán lại trên sàn giao dịch tự nguyện quốc tế, nhưng chưa thực hiện các yêu cầu về báo cáo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP. Vì vậy, để quản lý thống nhất hạn ngạch và tín chỉ các-bon, các hoạt động giao dịch tín chỉ các-bon, đề xuất bổ sung nội dung về Hệ thống đăng ký quốc gia.

- *Về thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon song phương theo Điều 6.2 của Thỏa thuận Paris:* Đây là nội dung mới, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và tiến trình đàm phán về Điều 6 của Thỏa thuận Paris. Mặc dù, quy định về chuyển giao tín chỉ các-bon giữa các nước chưa đạt được sự thống nhất, nhưng đã có nhiều quốc gia (Singapore, Hàn Quốc, Úc, Thụy Sĩ) quan tâm và sẵn sàng ký kết các thỏa thuận song phương với Việt Nam để triển khai các dự án tạo tín chỉ các-bon và chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon để đóng góp thực hiện mục tiêu NDC của quốc gia đối tác. Cần xác định được lĩnh vực và các biện pháp giảm phát thải được phép trao đổi tín chỉ các-bon quốc tế, song hiện nay chưa có quy định về nội dung này. Do đó, để có cơ sở cho việc trao đổi tín chỉ song phương, cần có quy định về quy trình, thủ tục thực hiện các dự án tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon song phương quốc tế và bổ sung danh mục được xây dựng trên các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính có điều kiện (có hỗ trợ của quốc tế) trong NDC của Việt Nam và căn cứ trên đề xuất của các Bộ quản lý lĩnh vực.

- *Về cấp Thư chấp thuận:* Nghị định số 06/2022/NĐ-CP chưa quy định về cấp Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế. Ngoài cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon song phương, trong thời gian qua có một số Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất và triển khai các thỏa thuận mua bán tín chỉ các-bon với các đối tác quốc tế (Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ ký giữa Bộ NN&PTNT với Ngân hàng Thế giới; đề xuất của TP. Hồ Chí Minh…). Trước khi trao đổi tín chỉ các-bon ra quốc tế, các bên cần làm rõ việc trao đổi này có ảnh hưởng đến NDC của Việt Nam hay không, cần có Thư chấp thuận theo quy định quốc tế.

- *Về Sàn giao dịch các-bon:* Khoản 1 Điều 21 Nghị định hiện quy định Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon và giao Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức vận hành thí điểm, và tiến tới vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ các-bon phục vụ quản lý và theo dõi, giám sát thị trường các-bon. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP chưa quy định chi tiết về quản lý vận hành sàn giao dịch các-bon. Do đó, đề xuất bổ sung quy định về trách nhiệm của các đơn

vị liên quan trong quản lý, vận hành sàn thống nhất với các nội dung tại Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.

- *Về hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon:* Khoản 3, Điều 19 quy định trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước gồm các hoạt động đấu giá, chuyển giao, vay mượn, nộp trả hạn ngạch, sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ nhưng chưa quy định chi tiết về thời điểm, trình tự thủ tục thực hiện.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc quản lý, giám sát hiệu quả các hoạt động mua bán, chuyển giao tín chỉ các-bon, đồng thời hình thành, phát triển thị trường các-bon trong nước.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả, tiến độ thực hiện lộ trình cam kết cắt, giảm khí nhà kính của Việt Nam; sửa đổi, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách có liên quan để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đầu tư, kinh doanh tín chỉ các-bon; trao đổi tín chỉ các-bon quốc tế; trao đổi hạn ngạch và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

- Góp phần phát triển bền vững đất nước từ các lợi ích thu được thông qua hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon.

2.3. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên các chính sách hiện hành

b) Giải pháp 2: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Sửa đổi Điều 16 quy định đối tượng được tham gia trao đổi trên thị trường các-bon trong nước gồm: (i) 1. Đối tượng tham gia trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính là cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; (ii) Đối tượng tham gia trao đổi tín chỉ các-bon là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức nước ngoài có tư cách pháp nhân tại Việt Nam.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 và Điều 19 về hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được giao dịch trên thị trường các-bon trong nước; trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon trong nước và Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon. Bổ sung chi tiết quy định về thành lập Hệ thống đăng ký quốc gia quản lý hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; quy định đối với hoạt động trao đổi, vay mượn, chuyển giao, nộp trả hạn ngạch, bù trừ tín chỉ các-bon của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch; quy định về phạm vi, đối tượng tham gia các cơ chế bù trừ chỉ các-bon tại Việt Nam, quy định

về các thủ tục hành chính phát sinh và trách nhiệm của các bên liên quan. Các quy định nhằm hướng tới quản lý các hoạt động mua, bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon theo hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch các-bon như các hoạt động mua bán cổ phiếu trên sàn chứng khoán. Khi phát sinh các hoạt động mua, bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo hình thức thỏa thuận, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ thực hiện tay đổi số lượng hạn ngạch sở hữu trong tài khoản của các bên mua bán trên Hệ thống đăng ký quốc gia. Các hoạt động chuyển giao, vay mượn, nộp trả, bù trừ hạn ngạch cũng phải thực hiện trên tài khoản của cơ sở được phân bổ hạn ngạch trên Hệ thống đăng ký quốc gia.

- Bổ sung Điều 20 một số quy định bao gồm trách nhiệm đối với các cơ quan quản lý, các tổ chức tham gia các cơ chế bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế. Cụ thể như sau:

+ Bổ sung quy định về các lĩnh vực được thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon;

+ Bổ sung quy trình chi tiết tham gia các cơ chế bù trừ tín chỉ các-bon bao gồm: đăng ký phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon, đăng ký ý tưởng dự án, đăng ký dự án, cấp tín chỉ các-bon;

+ Bổ sung quy định về báo cáo thông tin về Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các tổ chức tham gia thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon tự nguyện;

+ Bổ sung quy định về xem xét, cấp thư chấp thuận cho chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

2.4.1. Giải pháp 1

a) Tác động kinh tế - xã hội

* Tác động tích cực

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật bảo vệ môi trường thay thế Luật bảo vệ môi trường năm 2014, theo đó khoản 35 Điều 3 quy định tín chỉ các-bon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một tấn khí carbon dioxide (CO2) hoặc một tấn khí carbon dioxide (CO2) tương đương. Đồng thời, Điều 139 quy định tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước hay còn gọi là thị trường các-bon nội địa là thị trường hướng tới việc đặt mức trần phát thải khí nhà kính cho các doanh nghiệp trong nước để đạt được mục tiêu cắt giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp trong nước áp dụng các biện pháp và công nghệ giảm phát

thải khí nhà kính. Để thiết lập một thị trường các-bon nội địa, cơ quan chính phủ có nhiệm vụ phân bổ, hoặc giao bán một số lượng hữu hạn các hạn ngạch phát thải khí nhà kính (quy đổi ra tấn CO_2 tương đương) trong một khoảng thời gian. Các doanh nghiệp có nhu cầu trao đổi hạn ngạch phát thải thực hiện trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon.

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện quy định về CDM một trong các loại tín chỉ các-bon tại Việt Nam đã đem lại những hiệu quả kinh tế rõ rệt. Theo quy định tại Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg, lĩnh vực xây dựng đầu tư xây dựng thực hiện dự án CDM tại Việt Nam rất rộng, bao gồm toàn bộ các lĩnh vực kinh tế có mang lại kết quả giảm phát thải khí nhà kính. Qua đó, đã tạo thuận lợi cho việc khai thác tốt tiềm năng và lợi thế của Việt Nam trong lĩnh vực này. Các dự án đầu tư trong các lĩnh vực triển khai theo CDM đã tranh thủ được nguồn vốn và công nghệ mới từ các nước phát triển để thực hiện đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, tiếp cận nhanh với công nghệ tiên tiến với chi phí thấp để ngoài việc tạo ra sản phẩm như các dự án thông thường còn tạo ra khả năng giảm phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Các dự án CDM được công nhận, khi đi vào vận hành sẽ làm giảm lượng phát thải khí nhà kính, từ đó sẽ được cấp Chứng chỉ giảm phát thải (CERs), Chứng chỉ này có thể bán để có thêm nguồn tài chính, thu hồi nhanh vốn đầu tư.Các quy định trên đã tạo môi trường pháp lý ổn định, công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong các khâu thực hiện dự án CDM, nhất là trong việc bán, chuyển CERs thu được ra nước ngoài. Qua đó đã thu hút được số lượng lớn các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư xây dựng, triển khai dự án CDM tại Việt Nam trong thời gian qua, nhất là trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tái tạo cho phát điện; các dự án trong trồng rừng và tái trồng rừng hiệu quả... góp phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái. Đến nay, Việt Nam đã có 257 dự án theo Cơ chế Phát triển sạch (CDM) và 13 Chương trình hoạt động theo CDM (PoA). Việt Nam được xếp thứ tư trên thế giới về số lượng dự án CDM được đăng ký. Tổng lượng KNK giảm nhẹ của 257 dự án CDM khoảng 140 triệu tấn CO_2tđ trong thời kỳ tín dụng. Các doanh nghiệp Việt Nam đã bán hơn 40 triệu tín chỉ từ các dự án CDM và thu về hơn 15 nghìn tỷ đồng. Nguồn thu từ bán CERs đã giúp doanh nghiệp có thêm nguồn lực tài chính để mở rộng sản xuất, kinh doanh, đồng thời giảm chi phí trả lãi tiền vay, có thêm động lực phát triển.

Ngoài Cơ chế CDM và JCM là các cơ chế tạo tín chỉ các-bon được nhà nước quản lý, một số cơ chế tạo tín chỉ các-bon theo hình thức tự nguyện cũng đã được nhiều tổ chức trong nước áp dụng triển khai cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính như: i) Tiêu chuẩn vàng (GS), có 20 dự án được đăng ký và cấp tín chỉ các-bon. Tổng lượng tín chỉ được ban hành theo GS là 3.270.444 tín chỉ [12]; ii) Tiêu chuẩn các-bon được thẩm tra (VCS), có 17 dự án được đăng ký. Tổng

lượng tín chỉ được ban hành theo VCS là 603.417 tín chỉ. Nhiều tín chỉ các-bon thu được từ các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các cơ chế này đã được các doanh nghiệp bán cho các đối tác tại các quốc gia phát triển trên thị trường các-bon quốc tế trong và ngoài khuổn khổ UNFCCC.

Bên cạnh đó, đối với các doanh nghiệp, nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và triển khai các dự án CDM tại Việt nam trên cơ sở tổng hợp các chính sách ưu đãi đang có hiệu lực tại thời điểm đó, bao gồm: chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn, giảm thuế, thuế suất ưu đãi), miễn giảm thuế nhập khẩu, ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chính sách về khấu hao tài sản cố định, chính sách huy động vốn đầu tư, trợ giá sản phẩm và hỗ trợ tài chính đối với việc xây dựng văn kiện dự án.

Hiện nay, một số địa phương và doanh nghiệp đang đề nghị thực hiện việc liên doanh, liên kết với đại diện các chủ rừng, các đầu mối lâm nghiệp trên địa bàn các tỉnh có rừng để sử dụng môi trường rừng tự nhiên phát triển kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới. Để xã hội hóa công tác bảo vệ rừng, thúc đẩy và thu hút sự tham gia mạnh mẽ của khối tư nhân vào công tác bảo vệ rừng, các chủ rừng và khối tư nhân kiến nghị sớm xây dựng hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh này theo hướng cho phép các chủ rừng được kinh doanh và bỏ vốn đầu tư để thu được các tín chỉ các-bon lâm nghiệp. Đây là cơ sở đem lại nguồn kinh phí bổ sung cho địa phương, đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, góp phần cải thiện đời sống người dân ở vùng núi, biên giới, địa bàn khó khăn. Do đó, việc liên kết kinh doanh tín chỉ các-bon để bảo tồn và phát triển rừng ở Việt Nam đang trở thành một nhu cầu trong thời gian tới nhằm: (i) góp phần đảm bảo an ninh biên giới, (ii) tạo động lực phát triển mọi mặt kinh tế-xã hội cho người dân địa phương, (iii) tăng cường năng lực cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện chức năng bảo vệ, phát triển rừng, (iv) bảo vệ rừng và hệ sinh thái và (v) tạo nguồn dự trữ tín chỉ các-bon phục vụ phát triển đất nước.

* Tác động tiêu cực:

- Để triển khai thực hiện được chính sách này, đòi hỏi phải có các chính sách điều chỉnh về các loại tín chỉ các-bon được phép mua-bán, cơ chế tài chính về mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hoá là tín chỉ các-bon, các lĩnh vực được phép mua, bán tín chỉ các-bon. Cần có thời gian, nguồn nhân lực, tài chính cho việc xây dựng, phát triển thử nghiệm thị trường tín chỉ các – bon tron nước. Bên cạnh đó, vốn đầu tư ban đầu cho giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là cao. Tuy nhiên, thực tế thời gian qua, từ khi Nghị định 06/2022/NĐ-CP có hiệu lực, quy định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước chưa được triển khai thực hiện trên thực tế, do các quy định này còn rất mới, các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính theo NDC

của Việt Nam được cấp hạn ngạch phát thải khí nhà kính gặp khó khăn do việc cấp hạn ngạch phát thải khí nhà kính là phải cân đối giữa việc phát triển sản xuất (xả thải) phù hợp với hạn ngạch được cấp.

- Việc thực hiện giải pháp này sẽ không khắc phục được những hạn chế, bất cập được nêu trên (mục 1 chính sách).

b) Tác động giới: Không có tác động tiêu cực đối với bình đẳng giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Không sửa đổi, bổ sung hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động hệ thống pháp luật

- Về cơ bản giải pháp này không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do không đặt ra vấn đề sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện có.

- Tuy nhiên, giải pháp này sẽ không khắc phục được hạn chế của quy định pháp luật hiện hành, do chưa đầy đủ, chặt chẽ, do đó chưa thể góp phần triển khai tích cực pháp luật bảo vệ môi trường.

- Giải pháp này cũng sẽ không đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện đầy đủ Điều 6.2 của Thỏa thuận Paris, do văn bản pháp luật hiện hành chưa có quy định.

2.4.2. Giải pháp 2

a) Tác động kinh tế

* Tác động tích cực

Như đã phân tích ở trên, thị trường tín chỉ các-bon trên thế giới đang phát triển mạnh mẽ và mang lại những lợi ích cụ thể về kinh tế cho các nước. Trong xu thế hội nhập, khi giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là mục tiêu quan tâm hàng đầu của các nước, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế phát triển này. Việc xây dựng, hình thành thị trường tín chỉ các-bon sẽ mang lại nhiều tác động tích cực cho nền kinh tế của Việt Nam, cụ thể:

+ Hình thành một ngành, lĩnh vực kinh doanh mới tại Việt Nam, tạo việc làm mới và thị trường mới về những sản phẩm xanh, được ưu chuộng trong xã hội; phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng. Thị trường các – bon trong nước được hình thành và phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các nhân trong và ngoài nước tích cực tham gia các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon.

+ Tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước thông qua việc thu thuế từ các hoạt động mua-bán tín chỉ các-bon trong nước, cũng như xuất khẩu ra nước ngoài,

tham gia vào thị trường các-bon thế giới.

+ Việt Nam có cơ hội nhận được sự hỗ trợ về tài chính, chuyển giao công nghệ và tăn cường năng lực từ các quốc gia phát triển, là nguồn lực đầu tư quan trọng để phát triển bền vững của đất nước.

+ Nguồn thu từ bán tín chỉ các-bon sẽ giúp doanh nghiệp có thêm nguồn lực tài chính để mở rộng sản xuất, kinh doanh, đồng thời giảm chi phí trả lãi tiền vay, có thêm động lực phát triển.

+ Chính sách này được xây dựng tập trung phát triển thị trường các-bon trong nước, theo đó, quy định hạn ngạch phát thải đối với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực được lựa chọn trong NDC của Việt Nam, trên cơ sở các hạn ngạch được cấp, các doanh nghiệp trong nước được mua, bán trao đổi hạn ngạch, sẽ tạo ra sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, đồng thời việc áp dụng hạn ngạch vừa là thách thức vừa là cơ hội giúp các doanh nghiệp cân đối, điều chỉnh, có cơ chế quản lý phù hợp, khoa học, hiện đại để vừa bảo đảm phát triển sản xuất vừa đảm bảo bảo vệ môi trường phù hợp với hạn ngạch được cấp.

* Tác động tiêu cực

- Nhà nước: thực hiện giải pháp này Nhà nước sẽ phải đầu tư kinh phí cho việc xây dựng Hệ thống đăng ký quốc gia, sàn giao dịch các-bon;… các chi phí cho việc vận hành, chi phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý, vận hành thị trường. Tuy nhiên, với chính sách này, không thành lập đơn vị/tổ chức mới mà giao thêm nhiệm vụ cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Yêu cầu số lượng vị trí việc làm và biên chế ít hơn so với phương án thành lập đơn vị/tổ chức mới thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường do ngoài các vị trí việc làm chuyên ngành sẽ không cần thiết phải có thêm các vị trí việc làm phục vụ, hỗ trợ.

b) Tác động xã hội

***** Tác động tích cực:

- Việc hình thành thị trường các-bon, tạo ra một ngành, nghề mới trong xã hội, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động;

- Cải tạo điều kiện lao động và nâng cao đời sống nhờ cung cấp năng lượng ổn định hơn; nâng cao sức khoẻ cộng đồng;

- Nâng cao năng suất, cải thiện sinh kế của người nông dân; bảo vệ sức khoẻ của công đồng địa phương.

- Góp phần xoá đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư sống gần rừng; góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của rừng và các biện pháp giảm nhẹ, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tác động về môi trường: Một trong những mục tiêu đặt ra khi xây dựng chính sách này là xây dựng thị trường tín chỉ các-bon, áp dụng đối với từng lĩnh vực. Việc quản lý giảm nhẹ phát thải khí nhà kính bằng tín chỉ các-bon sẽ góp phần giảm nồng độ khí CO_2, tăng cường sử dụng các công nghệ thân thiện với môi trường, tăng cường trồng rừng, bảo vệ bờ biển góp phần giảm xói mòn, lũ lụt, xâm nhập mặn. Các lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải được cam kết cắt giảm tập trung vào các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là môi trường không khí, tiếng ồn, qua đó góp phần bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, để xây dựng thị trường các-bon trong nước, mục tiêu dự kiến đặt ra là cấp hạn ngạch phát thải khí nhà kính đối với các lĩnh vực được lựa chọn theo NDC. Việc quy định hạn ngạch phát thải khí nhà kính sẽ giúp các doanh nghiệp vừa phát triển sản xuất, tuy nhiên, cũng phải đảm bảo phát thải khí nhà kính trong quá trình sản xuất phù hợp với hạn ngạch được cấp.

* Tác động tiêu cực: Biện pháp này không có tác động tiêu cực về xã hội.

c) Tác động giới: Không có tác động tiêu cực đối với bình đẳng giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Để triển khai thực hiện giải pháp này, đòi hỏi sẽ phải quy định một số các thủ tục hành chính mới gồm: (1) Thủ tục xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch; (2) Thủ tục đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia; (3) Thủ tục đăng ký phương pháp luận theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; (4) Thủ tục đăng ký ý tưởng dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; (5) Thủ tục hành chính đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; (6) Thủ tục hành chính về cấp tín chỉ các-bon; (7) Thủ tục chấp thuận, chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon đối với cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; (8) Thủ tục cấp Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế.

Việc xây dựng, thực hiện các thủ tục hành chính này là cần thiết để đảm bảo công tác quản lý và vận hành thị trường các-bon, nếu không quy định các thủ tục hành chính này, sẽ không thể triển khai thực hiện trên thực tế. Do đó, mặc dù sẽ phát sinh chi phí cho việc xây dựng và thực hiện các thủ tục hành chính này, tuy nhiên, giá trị kinh tế mang lại khi thực hiện các thủ tục này sẽ lớn hơn rất nhiều.

Nội dung đánh giá tác động cụ thể của từng thủ tục hành chính xin xem Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính và các phụ lục kèm theo.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

* Tác động tích cực:

- Thực hiện đúng chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương nêu tại Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Giải pháp này cơ bản bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật; bảo đảm thể chế hoá đầy đủ các quy định để triển khai thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Việc thực hiện giải pháp này đảm bảo tính cụ thể, công khai, minh bạch và tính khả thi của các quy định pháp luật.

* Tác động tiêu cực:

- Phải xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2020/NĐ-CP, tuy nhiên sau khi sửa đổi, văn bản được hợp nhất nên việc theo dõi và tra cứu cơ bản không gặp khó khăn.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động đề nghị chọn giải pháp 2.

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

3. Chính sách 3: Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao giải pháp bảo vệ tầng ô-dôn

3.1 Xác định vấn đề bất cập

- *Về phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát:* Theo quy định tại khoản 9 Điều 25: "Tổ chức nhập khẩu các chất được kiểm soát theo hạn ngạch được phân bổ nhưng sau đó xuất khẩu được xem xét bổ sung hạn ngạch nhập khẩu không vượt quá lượng đã xuất khẩu." Tuy nhiên, điều khoản này chưa quy định cụ thể về thời điểm bổ sung hạn ngạch nhập khẩu, do đó, cần phải sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong thực hiện.

- *Về thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát:* Điều 28 quy định quản lý về thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát theo hướng chỉ áp dụng quy định về quản lý chất thải nguy hại đối với hoạt động xử lý chất được kiểm soát, việc vận chuyển và lưu giữ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Quy định điều chỉnh này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, bổ sung nguyên tắc đối với chất được kiểm soát sau tái chế (bao gồm các chất đã bị cấm) không thuộc đối tượng cấm tiêu thụ như quy định tại khoản 5 Điều 22 để tạo điều kiện cho hoạt động tái chế và tái sử dụng chất được kiểm soát phục vụ nhu cầu sinh hoạt của con người.

Bên cạnh đó, khoản 5 Điều 28 điều chỉnh về trách nhiệm thu gom chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị khi không còn sử dụng cho các Nhà sản xất, nhập khẩu thay vì cá nhân như trong Nghị định số 06/2022/NĐ-CP để bảo đảm tính khả thi trong việc triển khai thực hiện đồng thời cùng các quy định khác về bảo vệ môi trường.

- *Về trách nhiệm trong quản lý các chất được kiểm soát:* Nghị định 06/2022/NĐ-CP đã có quy định về trách nhiệm của một số bộ, cơ quan có liên quan trong quản lý các chất được kiểm soát, tuy nhiên, các quy định còn chưa đầy đủ, dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý cho các bộ trong quá trình triển khai thực hiện trên thực tiễn.

- *Về khuyến khích các hoạt động bảo vệ tầng ô-dôn:* Tại Hội nghị COP28, Việt Nam đã tham gia Cam kết làm mát toàn cầu, để triển khai thực hiện các nội dung của Cam kết cần bổ sung các quy định nhằm khuyến khích các hoạt động có liên quan đến làm mát bền vững. Đồng thời, để đẩy mạnh hoạt động tái chế các chất được kiểm soát cần có các cơ chế khuyến khích triển khai thực hiện các hoạt động này.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo thể chế hoá kịp thời các quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện các hiệp định, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong hoạt động bảo vệ tầng ô-dôn.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về công tác quản lý nhà nước, các văn bản, chính sách quản lý và các giải pháp quản lý hành chính, kỹ thuật cần thiết về bảo vệ tầng ô-dôn.

3.3. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên các chính sách hiện hành

b) Giải pháp 2: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Bổ sung thời điểm bổ sung hạn ngạch nhập khẩu cho các tổ chức xuất khẩu tại khoản 9 Điều 25. Đồng thời, chỉnh lý quy định tại Điều 26 về đối tượng được phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu có bao gồm các tổ chức xuất khẩu. Nội dung chỉnh lý này phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24.

- Bổ sung 01 khoản vào Điều 28 về yêu cầu chất được kiểm soát sau tái chế được bán, lưu hành trên thị trường. Bên cạnh đó, để bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực tế và thống nhất trong các văn bản pháp luật, đề xuất điều chỉnh một số nội dung quy định tại Điều 28 theo hướng: (i) Đơn giản hóa quy định việc vận chuyển lưu giữ các chất được kiểm soát đến nơi tiêu hủy không phải thực hiện

theo quy định về quản lý chất thải nguy hại, mà tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật hiện đang được áp dụng đối với các chất được kiểm soát (điểm c khoản 2 Điều 28); (ii) Quy định trách nhiệm của tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa chất được kiểm soát thực hiện hoạt động thu gom linh kiện, bộ phận thiết bị có chứa các chất được kiểm soát khi không còn sử dụng, đóng góp vào việc thực hiện quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu theo Điều 54-55 của Luật Bảo vệ môi trường. (iii) Bổ sung nội dung quy định về chất được kiểm soát sau tái chế không thuộc đối tượng bị cấm tiêu thụ để thống nhất cách hiểu.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại điểm b khoản 1 Điều 29 nội dung "…tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát…". Bổ sung trách nhiệm chủ trì của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại khoản 5 Điều 29: "Tổ chức cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho kỹ thuật viên làm việc trong lĩnh vực liên quan đến chất được kiểm soát", đồng thời quy định chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 34 để bảo đảm tính liên tục trong lúc hệ thống đào tạo, đánh giá, cấp chứng chỉ cho kỹ thuật viên đối với các chất được kiểm soát được thiết lập và vận hành.

- Bổ sung quy định tại Điều 33 về các hoạt động để thực hiện Cam kết làm mát toàn cầu mà Việt Nam đã tham gia tại Hội nghị COP28.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

3.4.1. Giải pháp 1

a) Tác động kinh tế - xã hội

Việt Nam là một trong những nước sớm gia nhập Công ước Vienna về bảo vệ tầng ô-dôn và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn từ năm 1994. Là thành viên tham gia Nghị định thư Montreal, Việt Nam có nghĩa vụ quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo lộ trình thực hiện Nghị định thư Montreal. Sau 25 năm triển khai thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam, nhiều chất làm suy giảm tầng ô-dôn đã và đang được kiểm soát, loại trừ theo quy định, bao gồm: CFC, Halon, CTC, HCFC và Methyl bromide; các chất này được sử dụng trong lĩnh vực sản xuất điều hòa không khí, thiết bị làm lạnh, sản xuất xốp, dập cháy và kiểm dịch cho hàng xuất khẩu.

Bên cạnh những nỗ lực loại trừ thành công các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, Việt Nam đang phải đối mặt với xu hướng gia tăng sử dụng các chất có tiềm năng làm nóng lên toàn cầu cao - các chất hydrofluorocarbon (HFC), là những chất được sử dụng để thay thế cho các chất làm suy giảm tầng ô-dôn trong lĩnh

vực sản xuất thiết bị lạnh, điều hòa không khí ô tô, thiết bị dập cháy... Ngày 04 tháng 9 năm 2019, Chính phủ đã phê duyệt Bản sửa đổi, bổ sung Kigali thuộc Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn tại Nghị quyết số 64/NQ-CP, theo đó Việt Nam cần ban hành các quy định, chính sách quản lý chất HFC nhằm thực hiện mục tiêu không gia tăng lượng tiêu thụ các chất HFC kể từ năm 2024 và giảm 80% lượng tiêu thụ các chất HFC vào năm 2045.

Mặc dù, một số thông tư, thông tư liên tịch giữa các Bộ về việc quản lý các chất được kiểm soát (Methyl bromide, HCFC) đã được ban hành, quy định quản lý xuất khẩu, nhập khẩu các chất được kiểm soát được ban hành kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý. Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về bảo vệ tầng ô-dôn ở nước ta còn thiếu đồng bộ; thiếu các văn bản, chính sách quản lý và các giải pháp quản lý hành chính, kỹ thuật cần thiết để quản lý, loại trừ và giám sát hiệu quả. Hệ thống thông tin dữ liệu về các chất được kiểm soát và lĩnh vực sử dụng còn phân tán, gây khó khăn cho công tác quản lý và trong việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo trong nước và quốc tế. Sự phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý nhà nước cần được củng cố hơn nữa. Nhận thức của xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng trong lĩnh vực này còn nhiều hạn chế.

Do vậy, việc xây dựng các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP được xem là kim chỉ nam cho công tác quản lý, ứng phó với biến đổi khí hậu; đồng thời góp phần thể chế hóa các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận của Bộ Chính trị và nội luật hóa các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia là thành viên, thể hiện quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP đã bộc lộ một số nội dung cần được chỉnh sửa, hoàn thiện (như đã nêu tại mục 1) để việc triển khai đồng bộ và có tính khả thi cao hơn.

b) Tác động giới: Không có tác động tiêu cực đối với bình đẳng giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Không sửa đổi, bổ sung hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động hệ thống pháp luật

- Về cơ bản giải pháp này không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do không đặt ra vấn đề sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện có.

- Tuy nhiên, giải pháp này sẽ không khắc phục được hạn chế của quy định pháp luật hiện hành, do chưa đầy đủ, chặt chẽ, do đó chưa thể góp phần triển khai tích cực pháp luật bảo vệ môi trường.

- Giải pháp này cũng sẽ không đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc thực

hiện Cam kết làm mát toàn cầu mà Việt Nam đã tham gia tại Hội nghị COP28.

3.4.2. Giải pháp 2

a) Tác động kinh tế

* Tác động tích cực:

- Việc đơn giản hóa quy định việc vận chuyển lưu giữ các chất được kiểm soát đến nơi tiêu hủy không phải thực hiện theo quy định về quản lý chất thải nguy hại, mà tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật hiện đang được áp dụng đối với các chất được kiểm soát góp phần giảm chi phí vận chuyển, kiểm soát mà vẫn bảo đảm được các yêu cầu về kiểm soát chất được kiểm soát.

- Việc khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa chất được kiểm soát thực hiện hoạt động thu gom linh kiện, bộ phận thiết bị có chứa các chất được kiểm soát khi không còn sử dụng; khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều 54-55 của Luật Bảo vệ môi trường thông qua việc thu gom linh kiện, bộ phận thiết bị có chứa các chất được kiểm soát khi không còn sử dụng, qua đó góp phần quản lý được vòng đời của các chất HCFC, HFC và thay thế các chất được quản lý bằng các môi chất lạnh thân thiện khí hậu thông qua các biện pháp chính sách khác giúp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng lên 10% - 20% và có thể còn cao hơn khi áp dụng các công nghệ tốt nhất hiện có. Việc giảm dần sản xuất và tiêu thụ các chất HFC có tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) cao sẽ giảm được lượng phát thải khí nhà kính tương đương khoảng 100 tỷ tấn CO_2, có thể giúp tránh tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu 0,1ºC vào năm 2050 và 0,4°C vào năm 2100, đồng thời thúc đẩy các cải tiến đáng kể về hiệu suất năng lượng của thiết bị, giúp tiết kiệm chi phí và các lợi ích về môi trường.

* Tác động tiêu cực:

Hầu hết các nước đang phát triển có một nền kinh tế chưa đủ mạnh với tiềm năng mua hàng thấp, sử dụng nhiều các hệ thống làm lạnh cũ, tỷ lệ rò rỉ cao hao hụt các môi chất lạnh thường là gấp đôi (và có trường hợp còn nhiều hơn) so với các nước phát triển. Điều đó dẫn tới chi phí tiêu thụ môi chất lạnh lớn hơn và chi phí bảo trì nhiều hơn.

Bên cạnh đó, kinh phí cho việc chuyển đổi từ các chất HFC sang các môi chất lạnh thân thiện khí hậu hơn là một thách thức lớn đối với các nước đang phát triển. Chi phí đầu tư ban đầu chuyển đổi công nghệ là một rào cản ở cấp độ toàn cầu. Tuy nhiên, nếu tính toán đầy đủ chi phí vòng đời (LCC- là toàn bộ các chi phí chuẩn bị đầu tư/chi phí lập dự án tiền khả thi, chi phí vận hành và bảo dưỡng trong suốt thời gian hoạt động của thiết bị) thì rào cản này có thể được giảm nhẹ hoặc thậm chí được dỡ bỏ.

b) Tác động xã hội

***** Tác động tích cực:

- Việc quản lý chặt chẽ vòng đời của các chất HCFC và thay thế bằng công nghệ sử dụng chất không làm suy giảm tầng ô-dôn giúp bảo vệ tầng ô-dôn, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất và sức khỏe con người. Các chất HFC không phải là chất làm suy giảm tầng ô-dôn, nhưng là chất khí nhà kính mạnh nên loại trừ các chất HFC góp phần xử lý thấu đáo vấn đề biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng sống, an ninh và an toàn cho người dân. Loại trừ các chất HFC và thay thế bằng các công nghệ có tiềm năng nóng lên toàn cầu thấp, đáp ứng quan tâm của xã hội về bảo vệ môi trường và ngăn ngừa hiện tượng nóng lên toàn cầu.

- Việc quy định khuyến khích các doanh nghiệp tham gia bảo vệ môi trường sẽ giúp các doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm xã hội, cải thiện hình ảnh doanh nghiệp trong thị trường trong nước và quốc tế cũng như trong xã hội. Người tiêu dùng có khả năng tiếp cận các thông tin và lựa chọn được các thiết bị làm lạnh, điều hòa không khí và các sản phẩm sử dụng công nghệ mới, thân thiện hơn với môi trường, có hiệu suất năng lượng cao.

- Việc quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong xây dưgj, triển khai đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề được xác định sẽ giúp đảm bảo an toàn trong thao tác và xử lý lỹ thuật để không làm rò rỉ các chất được kiểm soát ra môi trường; xây dựng được đội ngũ kỹ thuật viên được đào tạo bài bản, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu công việc.

* Tác động tiêu cực:

Mặc dù có hiệu suất năng lượng tốt nhưng một số thiết bị sử dụng môi chất lạnh thân thiện với khí hậu thường dễ cháy nên có độ an toàn không cao, giá thành thiết bị đắt hơn, bảo trì khó hơn, kỹ thuật viên điện lạnh chưa được đào tạo đầy đủ và có kiến thức chuyên môn đúng đắn về các chất thay thế. Đây là các lý do khiến người tiêu dùng tại các nước đang phát triển chưa có phản ứng tích cực với các thiết bị gia dụng thế hệ mới.

c) Tác động giới: Không có tác động tiêu cực đối với bình đẳng giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Không sửa đổi, bổ sung hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Giải pháp này về cơ bản không ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay. Quy định này cũng phù hợp với chính sách của Đảng, Nhà nước về việc triển khai thực hiện cam kết trong NDC của Việt Nam, thực hiện Cam kết làm mát toàn cầu mà Việt Nam đã tham gia tại Hội nghị COP28. Đồng

thời, việc xây dựng quy định này là phù hợp với quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

- Phải xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2020/NĐ-CP, tuy nhiên sau khi sửa đổi, văn bản được hợp nhất nên việc theo dõi và tra cứu cơ bản không gặp khó khăn.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động đề nghị chọn giải pháp 2.

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan đến hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

2. Cơ quan giám sát thực hiện chính sách: Chính phủ./.